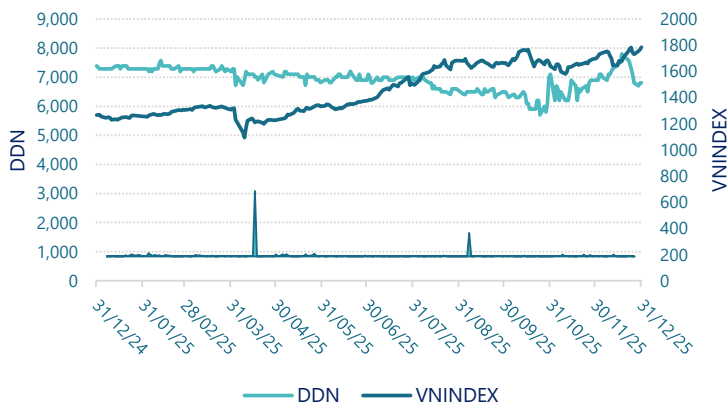




CTCP Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng (UPCOM: DDN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,700
SL cổ phiếu LH	16,116,383
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,000
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	110
P/E	27.1
EPS	251

DT thuần

Q4/25

315

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 64.0 | 25.4%

YoY: ▼ 34.0 | -9.8%

LN sau thuế

Q4/25

2.01

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.25 | 165%

YoY: ▲ 4.94 | 169%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

1.2%

+/- YoY: ▲ 0.2%

DT thuần

2025

1,068

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 325 | -23.3%

LN sau thuế

2025

4.04

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 3.58 | -47.0%

ROE

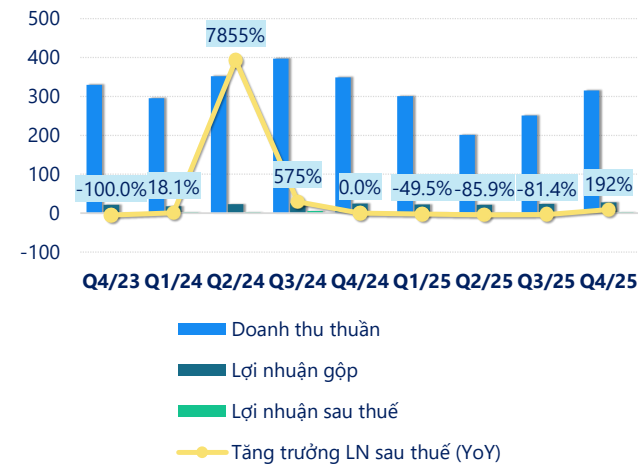
2025

2.0%

+/- YoY: ▼ 1.8%

tỷ VNĐ

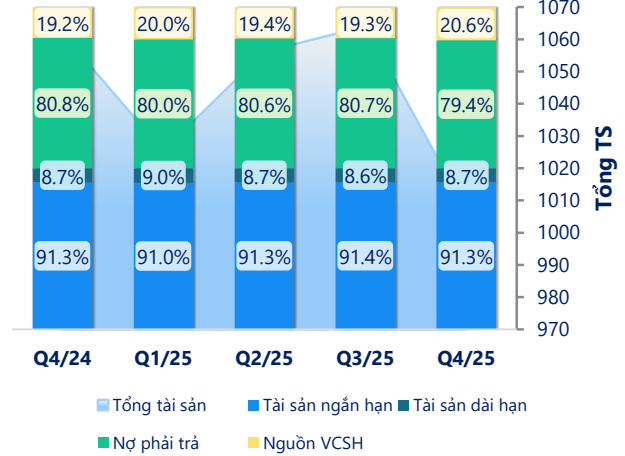
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

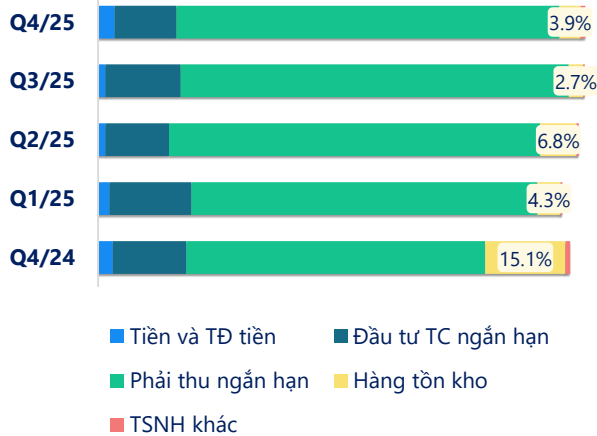
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



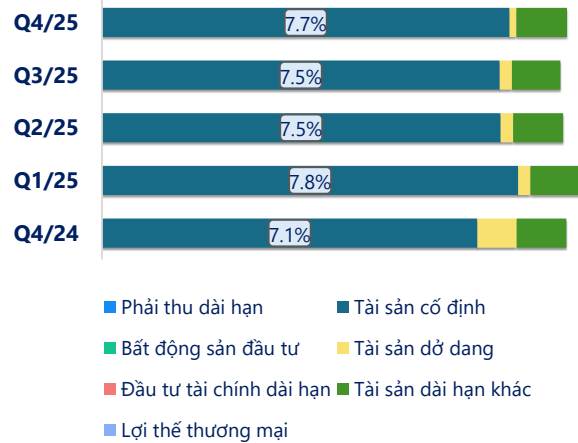
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

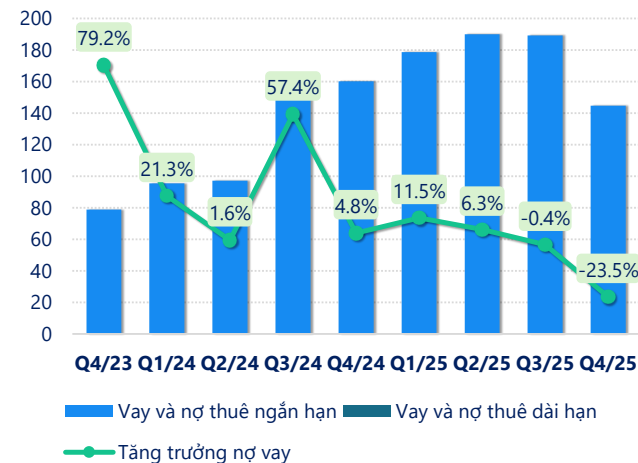
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

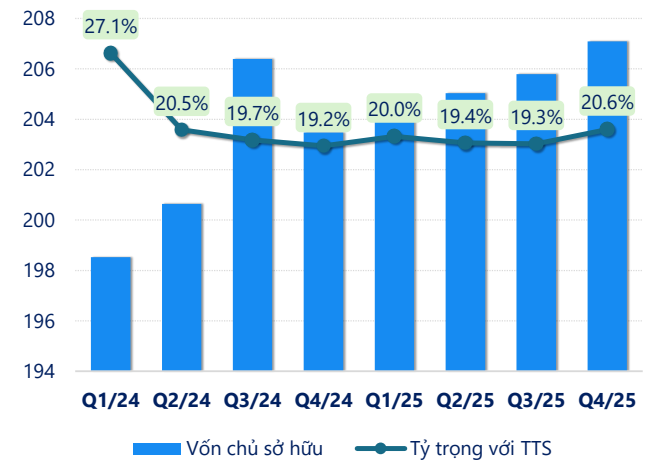
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

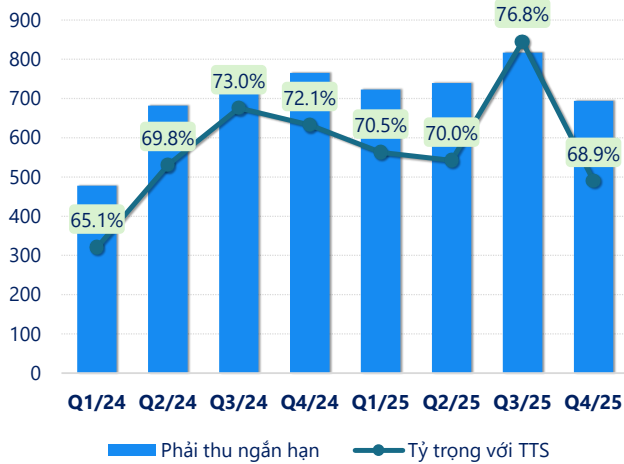
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



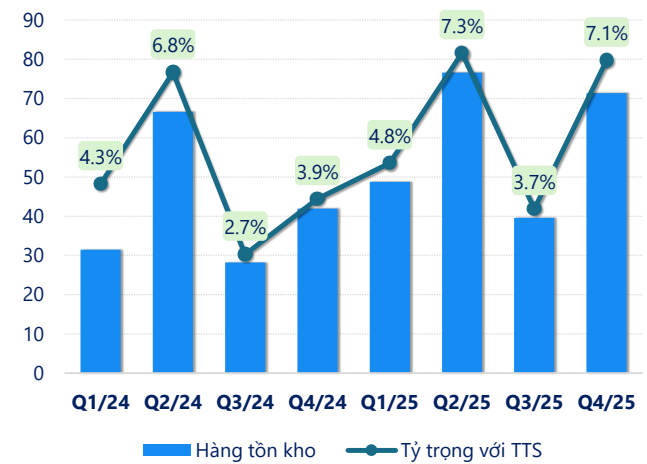
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


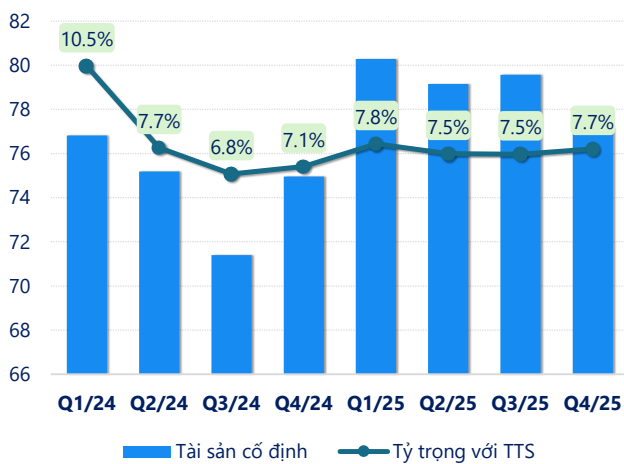
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


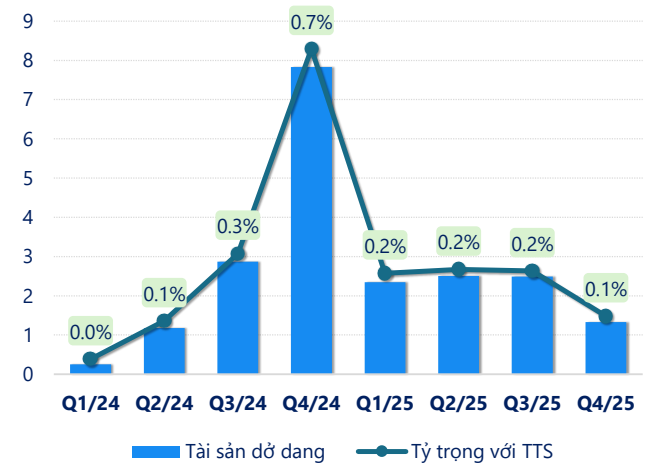
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

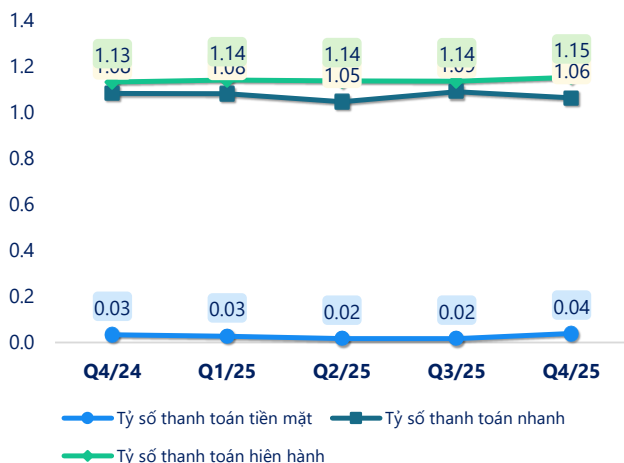
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

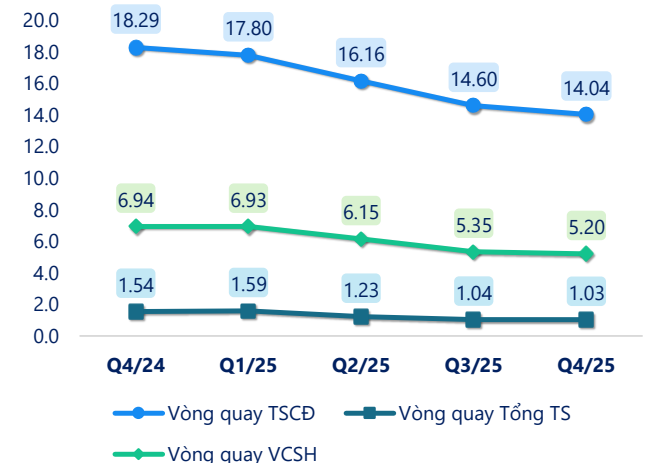
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,062	1,025	1,056	1,064	1,007
Tài sản ngắn hạn	969	933	964	972	919
Tiền và tương đương tiền	29.1	22.0	14.5	14.8	31.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	124	133	129	95.9	118
Phải thu ngắn hạn	765	723	740	817	694
Hàng tồn kho	41.9	48.8	76.6	39.6	71.3
Tài sản ngắn hạn khác	9.32	6.55	4.84	5.02	4.79
Tài sản dài hạn	92.7	92.3	91.6	91.8	88.1
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	75.0	80.3	79.2	79.6	77.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	7.83	2.35	2.51	2.49	1.33
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	9.94	9.67	9.96	9.71	9.58
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	858	821	851	858	800
Nợ ngắn hạn	856	818	848	856	797
Vay và nợ thuê ngắn hạn	160	179	190	189	145
Phải trả người bán ngắn hạn	626	600	611	609	593
Nợ dài hạn	2.48	2.69	2.69	2.73	2.73
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	203	205	205	206	207
Vốn chủ sở hữu	203	205	205	206	207
Vốn điều lệ	153	153	161	161	161
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)